

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRƯỚC YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đào Thị Thu

Bộ môn GDTC trường Đại học Bạc Liêu

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu cấp thiết phải đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề đặt ra đối với giáo dục đại học Việt Nam trong quá trình đổi mới dưới tác động của chuyển đổi số, như: năng lực công nghệ của giảng viên – sinh viên, cơ sở hạ tầng số, phương pháp giảng dạy và quản trị đại học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy đổi mới giáo dục đại học thích ứng với chuyển đổi số, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đại học số tại Việt Nam.

Từ khóa: Giáo dục đại học; Đổi mới giáo dục; Chuyển đổi số; Quản trị đại học số; Năng lực số.

INNOVATING HIGHER EDUCATION TO MEET THE REQUIREMENTS OF DIGITAL TRANSFORMATION

Dao Thi Thu

Department of Physical Education, Bac Lieu University

Abstract: In the context of rapid global digital transformation, Vietnamese higher education is facing urgent demands for comprehensive reform to improve training quality, develop a digital workforce, and meet the needs of the knowledge-based economy. This article analyzes key challenges posed to Vietnam's higher education in the process of innovation under the influence of digital transformation, including digital competency of lecturers and students, digital infrastructure, teaching methods, and university governance. Based on this analysis, the article proposes several solutions to promote innovation in higher education in line with digital transformation, contributing to the goal of building a digital university in Vietnam.

Keywords: Higher education; Educational innovation; Digital transformation; Digital university governance; Digital competency.

Nhận bài: 16/03/2025

Phản biện: 18/04/2025

Duyệt đăng: 22/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục đại học đóng vai trò then chốt trong việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đặc biệt, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu hướng tất yếu, mang lại những thay đổi sâu rộng trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có giáo dục. Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục đại học không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết, gắn liền với nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ và Chiến lược phát triển giáo dục 2021–2030.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, học tập và quản lý, mà còn là sự chuyển biến về tư duy, phương thức tổ chức và vận hành hệ thống giáo dục theo hướng mở – linh hoạt – cá thể hóa. Việc xây dựng và phát triển trường đại học số, đại học thông minh, sử dụng các nền tảng công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), học tập qua mạng (e-learning), và quản trị số đang dần trở thành xu hướng phổ biến

tại nhiều quốc gia. Với Việt Nam, trong những năm gần đây, các trường đại học đã bước đầu triển khai các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số như: phát triển hệ thống LMS, đào tạo trực tuyến, xây dựng kho học liệu mở, và từng bước số hóa quản trị nhà trường.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quá trình đổi mới giáo dục đại học trước yêu cầu chuyển đổi số tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Cụ thể là: (1) năng lực số của đội ngũ giảng viên và sinh viên chưa đồng đều; (2) hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế, đặc biệt là ở các trường đại học địa phương, vùng sâu, vùng xa; (3) phương pháp dạy học chậm đổi mới, chưa phát huy tối đa vai trò của công nghệ trong quá trình dạy – học; (4) tư duy quản trị đại học còn truyền thống, chưa thích ứng với mô hình quản trị số; và (5) thiếu cơ chế chính sách đồng bộ hỗ trợ chuyển đổi số một cách toàn diện, bền vững.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện thực trạng đổi mới giáo dục đại học trước yêu cầu chuyển đổi số là hết sức cần thiết. Trên cơ sở đó, bài viết này hướng tới mục tiêu: (1) phân tích những vấn đề đặt ra đối với quá trình đổi mới giáo dục đại học Việt Nam trong

bối cảnh chuyển đổi số; (2) chỉ ra những nguyên nhân của các khó khăn, thách thức; và (3) đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy đổi mới giáo dục đại học thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nền giáo dục đại học hiện đại, hội nhập và phát triển bền vững.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức học tập

Các phương pháp giảng dạy truyền thống đang dần được thay thế bởi những phương pháp mới có ứng dụng công nghệ, như: lớp học đảo ngược (flipped classroom), học tập kết hợp

(blended learning), học qua dự án (project-based learning)... Nhiều trường đại học đã triển khai nền tảng LMS (Learning Management System) như Moodle, Canvas, Google Classroom để tổ chức lớp học trực tuyến và quản lý tiến trình học tập của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong năm học 2022-2023, khoảng 85% các trường đại học lớn tại Việt Nam đã áp dụng hình thức học trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp (Blended Learning) vào các môn học chính khóa. Sự áp dụng này đã giúp tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, đồng thời cải thiện khả năng học tập của sinh viên qua các nền tảng trực tuyến.

Bảng 1: Tỷ lệ áp dụng phương pháp giảng dạy trực tuyến tại các trường đại học Việt Nam (2022-2023)

Phương pháp giảng dạy	Tỷ lệ áp dụng (%)
Học trực tuyến hoàn toàn	45%
Học kết hợp (Blended Learning)	40%
Dạy học truyền thống	15%

Theo khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến cuối năm 2022, có khoảng 85% trường đại học công lập đã triển khai các hoạt động giảng dạy trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến với trực tiếp. Bên cạnh đó, khoảng 67% giảng viên cho biết họ từng áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong ít

nhất một học phần.

Việc tổ chức các lớp học tương tác, sử dụng công cụ mô phỏng và công nghệ thực tế ảo (VR) cũng bắt đầu được triển khai ở một số ngành kỹ thuật, y tế, kinh tế nhằm tăng tính trực quan và nâng cao trải nghiệm học tập.

Sơ đồ 1: Mô hình lớp học đảo ngược



2.2. Phát triển học liệu số và kho tài nguyên mở

Một trong những kết quả nghiên cứu đáng chú ý là sự phát triển mạnh mẽ của học liệu số và các kho tài nguyên mở. Khoảng 72% giảng viên đã sử dụng học liệu số (bao gồm giáo trình điện tử,

bài giảng trực tuyến, và tài liệu nghiên cứu) trong quá trình giảng dạy. Đặc biệt, các kho tài nguyên mở (OER) đã được các trường đại học triển khai để cung cấp tài liệu học tập miễn phí và mở rộng phạm vi tiếp cận cho sinh viên.

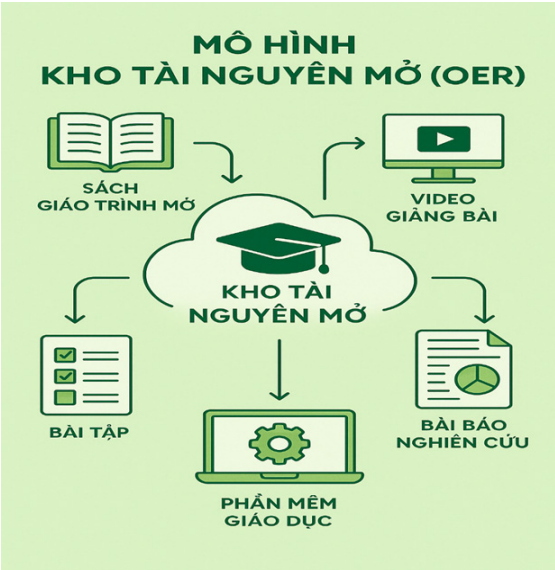
Bảng 2: Tỷ lệ giảng viên sử dụng học liệu số trong giảng dạy (2022)

Loại học liệu	Tỷ lệ sử dụng (%)
Giáo trình điện tử	55%
Bài giảng video, podcast	25%
Bài tập trực tuyến, trắc nghiệm	15%
Tài liệu nghiên cứu, sách mở	5%

Ngoài ra, trong năm qua, các trường như Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đã xây dựng và phát triển các kho tài nguyên mở riêng biệt, cung cấp không chỉ tài liệu

học tập mà còn các công cụ hỗ trợ nghiên cứu, diễn đàn học thuật, tài liệu thực tế cho sinh viên và giảng viên.

Sơ đồ 2: Mô hình kho tài nguyên mở (OER)



2.3. Đánh giá kết quả học tập và sự hài lòng của sinh viên

Một khảo sát của World Bank cho thấy, tại Việt Nam, hơn 76% sinh viên hài lòng với việc

học trực tuyến và kết hợp, đặc biệt là ở các yếu tố như sự linh hoạt về thời gian, khả năng học lại bài giảng, và tiện lợi khi truy cập tài liệu học tập.

Bảng 3: Mức độ hài lòng của sinh viên về hình thức học trực tuyến và kết hợp (2023)

Mức độ hài lòng	Tỷ lệ (%)
Rất hài lòng	32%
Hài lòng	44%
Bình thường	18%
Không hài lòng	6%

Tuy nhiên, sinh viên ở các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa vẫn gặp khó khăn về kết nối internet, thiết bị học tập và không gian học phù hợp. Điều này tạo ra khoảng cách số trong tiếp cận giáo dục đại học mà chưa thể giải quyết trong ngắn hạn.

2.4. Các khó khăn và thách thức trong quá trình chuyển đổi số

Mặc dù có những kết quả tích cực, nhưng quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam cũng gặp phải một số thách thức lớn. Một trong số đó là khả năng tiếp cận công nghệ của sinh viên và giảng viên, đặc biệt ở những trường đại học vùng sâu, vùng xa. Khoảng 40% giảng viên cho biết họ gặp khó khăn trong việc sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến do thiếu trang thiết bị hoặc chưa thành thạo công nghệ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự chuyển đổi

số trong giáo dục đại học tại Việt Nam đã mang lại nhiều thay đổi tích cực, đặc biệt trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển học liệu số và kho tài nguyên mở. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối ưu, các trường đại học cần tiếp tục đổi mới và giải quyết các thách thức về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và đào tạo kỹ năng số cho giảng viên và sinh viên. Những nỗ lực này sẽ góp phần xây dựng một nền giáo dục đại học hiện đại, linh hoạt và toàn diện hơn trong bối cảnh chuyển đổi số.

III. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam là xu thế không thể đảo ngược trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trên thực tế, quá trình này đã và đang tạo ra những thay đổi mang tính bước ngoặt trong các lĩnh vực như quản lý đào tạo, tổ chức giảng dạy,

phát triển chương trình, phương pháp học tập, đánh giá kết quả và xây dựng hệ sinh thái giáo dục đại học số.

Thứ nhất, nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực trong việc tiếp cận và triển khai các mô hình giảng dạy hiện đại ứng dụng công nghệ số, như mô hình lớp học đảo ngược, mô hình học tập kết hợp (blended learning), hay mô hình học tập qua dự án (project-based learning). Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã không chỉ hỗ trợ giảng viên trong quá trình xây dựng nội dung bài giảng, mà còn tạo điều kiện cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng và phát triển tư duy phản biện.

Thứ hai, hệ thống học liệu số và kho tài nguyên giáo dục mở (OER) đã và đang từng bước được xây dựng, tạo nên môi trường học tập đa dạng, linh hoạt và có tính cá nhân hóa cao. Sinh viên có thể học mọi lúc, mọi nơi, truy cập nguồn tài liệu phong phú từ các nền tảng giáo dục trong và ngoài nước. Nhiều trường đại học đã đầu tư xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS), tích hợp chức năng kiểm tra - đánh giá, thống kê, phân tích dữ liệu học tập nhằm nâng cao chất lượng quản lý và hỗ trợ học tập.

Thứ ba, nhận thức của giảng viên và sinh viên về chuyển đổi số ngày càng được nâng cao, tuy nhiên mức độ triển khai vẫn còn chưa đồng đều giữa các cơ sở đào tạo. Một bộ phận không nhỏ giảng viên, đặc biệt ở các trường vùng sâu, vùng xa, còn gặp khó khăn trong việc cập nhật công nghệ, thiếu kỹ năng thiết kế học liệu số, và còn tâm lý e ngại với hình thức dạy học trực tuyến. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền internet, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập cũng là rào cản lớn, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả triển khai chuyển đổi số.

Thứ tư, chưa có sự đồng bộ trong cơ chế chính

sách, quy chuẩn về đào tạo trực tuyến giữa các cấp quản lý. Một số vấn đề như kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trực tuyến, công nhận tín chỉ học online, bản quyền học liệu số và bảo mật dữ liệu cá nhân vẫn đang thiếu khung pháp lý rõ ràng, gây khó khăn cho các cơ sở khi triển khai rộng rãi.

Đặc biệt, cần xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về dạy học trực tuyến, hệ thống kiểm định chất lượng đào tạo số, cơ chế bảo vệ bản quyền học liệu điện tử và an toàn thông tin trong môi trường học tập trực tuyến.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra những kết luận quan trọng như sau:

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự đồng bộ hóa từ nhận thức, hạ tầng công nghệ, đội ngũ nhân lực đến thể chế, chính sách quản lý.

Cần coi chuyển đổi số là một chiến lược phát triển giáo dục đại học quốc gia, không chỉ là giải pháp ứng phó với hoàn cảnh (ví dụ như dịch bệnh COVID-19), mà là động lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng đào tạo và hội nhập quốc tế.

Quá trình đổi mới cần gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước - cơ sở giáo dục - doanh nghiệp - người học, đảm bảo tính thực tiễn, khả năng tiếp cận công nghệ mới và bám sát nhu cầu thị trường lao động.

Việc đánh giá hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học cần dựa trên dữ liệu lớn (big data), phân tích học tập (learning analytics) để có những điều chỉnh linh hoạt, kịp thời và mang lại giá trị gia tăng thực chất.

Tóm lại, đổi mới giáo dục đại học trước yêu cầu chuyển đổi số không đơn thuần là ứng dụng công nghệ vào giảng dạy mà là sự thay đổi toàn diện từ tư duy đến hành động. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức để giáo dục đại học Việt Nam khẳng định vị thế, nâng cao chất lượng và thích ứng với yêu cầu phát triển của xã hội số trong thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Chiến lược chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Hùng (2022). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Xu hướng và những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Giáo dục, số 501, tr. 10–14.
3. Trần Thị Mai Hương (2023). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp giảng dạy đại học ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 194, tr. 25–32.
4. Nguyễn Đức Hoàng & Lê Thị Thanh (2021). *Nâng cao năng lực số cho giảng viên đại học trong bối cảnh chuyển đổi số*. Tạp chí Công nghệ Thông tin và Truyền thông trong Giáo dục, số 17, tr. 36–42.
5. UNESCO (2022). *Reimagining our futures together: A new social contract for education*. [Online] <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf00000379707>